

Thanh Hóa, ngày 9 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN NĂM HỌC 2023 - 2024

Căn cứ Kế hoạch đào tạo; kế hoạch phân công giảng viên của Khoa/bộ môn, Phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2023-2024. Cụ thể như sau:

Họ	Tên	Chức danh	Trình độ CM	Tên học phần	Lớp dạy	Số giờ dạy		Tổng số giờ/định mức/ tỉ lệ %		
						Kỳ I	Kỳ II	Giờ dạy	Định h mức	Tỉ lệ %
Lê Đăng	An	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản lý TT quần chúng và thành tích cao (3TC)	QLTDTT K10/0.8	36		354	270	131.11
				Bóng chuyền (3TC)	QL TDTT K11/0.6	54				
				Thể dục	QLTDTTK12	54				
				Phương pháp giảng dạy bóng chuyền (3TC)	GDTC K11	54				
				Bóng chuyền (3TC)	QLTDTT K10		54			
				Thể thao chuyên sâu môn Bóng Chuyền 1 (3)	GDTC K11		54			

				Giáo dục thể chất 2,3 (2tc/1 lớp)	Không chuyên		48			
Lê Thị Vân	Anh	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật Đầu tư	Luật K10B	30		90	135	66.67
					Luật K11B					
				Luật học so sánh	ĐH Luật K10		30			
				Luật đầu tư	ĐH Luật K10		30			
					Luật K11B					
Nguyễn Thị Hồng	Anh	Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục trẻ tự kỉ	ĐH GDMN K10B	45		270	270	100.00
					ĐH GDMN K12A		45			
					ĐH GDMN K10C	45				
				Giáo dục hòa nhập	ĐH LT GDMN K10B	45				
					ĐH LT GDMN K11A		45			
				Nghề giáo viên mầm non	ĐH LTGDMN K10B	45				
				Nguyễn Thị Lan	Anh	Giảng viên	Thạc sĩ			
ĐHQLNNK11B										
Luật Tổ tụng hành chính	Luật K10B	30								
	Luật K11A									
Luật Lao động	ĐH Luật K10		45							
	Luật K11B	45								
Tổ tụng Hành chính	Luật K11AB- ĐT		45							
Luật hành chính	Luật K12AB- ĐL	45								
Luật hành chính	Luật K12AB- ĐT		45							
Pháp luật ĐC	Cả trường hệ đại học và trung cấp	20 0	160							

Trần Việt	Anh	Trưởng khoa Mỹ thuật	Tiến sĩ	Bố cục 1	TCNKHHK34	30		420	203	206.90
				Lịch sử MTVN	LTCQSPMTK10B	30				
				Nghệ thuật học đại cương	Lớp ghép	30				
				Nghiên cứu MT truyền thống VN	SPMTK9	30				
				Lịch sử MTVN	ĐHK10		30			
				Bố cục 2 (chất liệu nâng cao)	TCNKHHK34		30			
				Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	CH QL VHK8		30			
				Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN	GDMNLT K11A-BNg	45				
					GDMNLT K11B-BNg	45				
					GDMNK11A3,B1-HN	45				
Trịnh Văn	Anh	Khoa VH TT	Tiến sĩ	An toàn và bảo mật thông tin	ĐH TTTV K9, ĐHCNTT K10	45		90	61	149
					ĐH TTTV K10	45				
Tào Ngọc	Biên	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ phần mềm	ĐH TTTV K9		45	435	270	161.11
				QL dự án CNTT	ĐH TTTV K10. K11	30				
				Kiến trúc máy tính	ĐH TTTV K11	45				
				Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	ĐHTTTVK10	45				

				Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐHTTTVK11	45				
				Tin học đại cương	3 nhóm		135			
				Các loại hình truyền thông	CNTTrT K12		45			
					TTTV K12A,B -HN	45				
					GDMNK12A,B-ĐL	30				
					GDMNK11A1,A2,B-HN	30				
					ĐH GDMN K11B	30				
Hoàng Thị Thanh	Bình	TBT Tạp chí	Thạc sĩ	Tiếng Việt thực hành				90	87	103.45
				Quản trị nhà hàng	QTKS K10	60				
					QTDVDL&LH K10					
					Du lịch K10	45				
				Kinh tế du lịch	LTCQ QTKS K11HT	45				
					QTKS K10	45				
				Quản trị lễ tân KS	QTKS K10		60			
				Lễ tân văn phòng	TTTV K12A,B -HN	30				
				Đồ họa vi tính 1(photoshop, corel, Ilustrator)	ĐHK12+ TKTTK10	15				
				Phát triển ý tưởng	ĐHK11	45				
				Thiết kế gian hàng, triển lãm hội chợ	ĐHK9	30				
				Đồ họa ảnh	ĐHK9	15				
				Thiết kế 7: sáng tác brochure, catalogue	ĐHK9		30			
Bùi Đức	Chun g	Giảng viên	Thạc sĩ					270	270	100.00

				Sáng tác thiết kế 4	ĐHK11		45			
				Sáng tác thiết kế 2	ĐHK11		15			
				Đồ họa vi tính	TKTTK11		30			
				Nghệ thuật chữ	ĐHK12		45			
Hoàng Anh	Công	Phó Bộ môn CNTT	Thạc sĩ	Biên tập Audio và Video	ĐH CNTrT K10		30	465	236	197.03
				Truyền thông đa phương tiện	ĐH TTTV K10, k11	75				
				Mạng máy tính 3	ĐHTTTVK9	45				
					LTTTTVK10B	45				
				Cơ sở CNTT	LTTBTHK11A, K11B	45				
					TTTV K12A,B -HN, VTLT K12A,B -HN		90			
					TBTHK12- TN	45				
					VTLTK12B	45				
				Ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý	CQ QLNN K10	45				
Trịnh Tất	Đạt	Giám đốc TTTV, GV	Thạc sĩ	Mạng máy tính 1	ĐHTTTVK11	45		180	73	246.58
					LTTTTVK10B	45				
				Mạng máy tính 2	ĐH TTTV K9, K10, K11	45				
				Tổ chức và quản lý hoạt động TTTV	LTTBTHK11A	45				

Lưu Thị Ngọc	Diệp	PT BM Du lịch	Thạc sĩ (NCS)	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Du lịch K10	45		300	216	138.89
				Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam	Du lịch K11	45				
					Du lịch K12	45				
				Làng xã Việt Nam	Du lịch K10	30				
				Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Du lịch K11	45				
					QTDVDL&LH K11	45				
				Văn hóa du lịch	QTDVDL&LH K12	45				
Phạm Ngọc	Đĩnh	Giảng viên	Thạc sĩ	KXÂ2	Đại học SPAN K12+TNK12		45	345	270	127.78
				Lý thuyết âm nhạc 1	TCNK K35	30				
				Lý thuyết âm nhạc 2			30			
				KXÂ1		30				
				KXÂ2			30			
				KXA3	Trung cấp âm nhạc K34	30				
				KXA4	Trung cấp âm nhạc K34		30			
				KXA5	Trung cấp âm nhạc K33	30				
				Nhạc khí phổ thông	Đại học liên thông SPANK11A	30				
				ÂNTT Việt Nam	Đại học Thanh nhạc K10	30				
				Tin học chuyên ngành	Đại học Thanh nhạc K9+TNK10	30				

Mai	Đông	Phó Bộ môn TN- NC	Thạc sĩ	Piano		15	15	735	247	297.57
				Đàn phím điện tử 1,2	TCNKAN K34	30	30			
				(Sư phạm)						
				Organ (MN)	TCNKAN K35	15	15			
				Biểu diễn dàn nhạc tổng hợp	ĐHTN K10- Piano2	15	15			
					ĐHTN K11- Piano2	30	30			
					ĐHTN K12- Piano1	30	30			
					Thực hành BD nhạc cụ TCNK K33	15				
					Thực hành BD nhạc cụ TCNK K34	15	15			
					Thực hành BD nhạc cụ TCNK K35		15			
					ĐH SPAN K10 CQ	30	30			
					ĐH SPAN K11CQ	45	45			
					ĐH SPAN K12CQ		45			
					ĐHSPANK12A.LTVLV H	30	30			
					ĐHSPANK12BLTVLVH	15	15			
					ĐHSPMNK11A. CQ	30	30			
					ĐHSPMNK11A. LTCQ	30	30			
Lê Thị	Dung	Giảng viên	Thạc sĩ		ĐH GDMN K12	45		360	230	156.52

				Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	GDMN LTK10B	45				
					ĐH GDMN K12	45				
					ĐH LT GDMN K12	45				
					GDMNK12A,B-ĐL	45				
					GDMNK12A,B-HĐ	45				
					GDMNK12A,B-HP	45				
					GDMNK11A,B-TB	45				
Lê Thùy	Dung	Giảng viên	Thạc sĩ	Công tác xã hội với người nghèo	LTCTXHK10B + CTXHK9	45		277.5	270	102.78
				Giới và phát triển giới	CTXHK11	30				
				Công tác xã hội trong bệnh viện	LTCTXHK10B	30				
				Hành vi con người và môi trường xã hội	LTCTXHK11	45				
					LTCTXHK12	45				
				Công tác xã hội trong bệnh viện	LTCTXHK12	30				
				Đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội	LTCTXHK10B	45				
					LTCTXHK11					
				Hướng dẫn thực luận tốt nghiệp	LTCTXHK11	7.5				
Lê Văn	Dũng	GV kiêm VP	Thạc sĩ	Sinh lý học trẻ em	ĐH GDMN K12	45		180	135	133.33
					ĐH LT GDMN K11B	45				
					GDMNK11A,B-TB	45				
					GDMNK12A,B-HP	45				

Đoàn Tiến	Dũng	Giảng viên	Thạc sĩ	KXÂ1	Đại học SPÂN K12+TNK12	45		255	73	349.32
				Phân tích tác phẩm âm nhạc	Đại học liên thông SPAN K10B+K11A	45				
					ĐHSPAN K10 + TN K10		45			
				Phương pháp dàn dựng chương trình Ca – Múa – Nhạc	Đại học liên thông SPAN K10B+K11A	30				
					Đại học SPAN K9	30				
				Nhập môn sáng tác	Đại học SPAN K9	30				
					Đại học liên thông SPAN K10B	30				
Lê Thị	Dương	Giảng viên	Thạc sĩ	Tra cứu thông tin	LTTTTVK10B	45		480	270	177.78
					LTTBTHK11A,B	45				
					ĐHTTTVK9	45				
				Thông tin học đại cương	TTTV K12A,B -HN	45				
					TBTHK12- TN	45				
					TBTHK12A, K12B	45				
				Tổ chức và bảo quản tài liệu	LTTBTHK11A, K11B	45				
				Nghịệp vụ văn thư 2	LTVTLTK11A	60				
				Nghịệp vụ lưu trữ 1	LTVTLT K11B	60				
				Công tác văn thư lưu trữ	CQ QLNN K10	45				
Nguyễn Thị	Giang	Giảng viên	Thạc sĩ	Lễ tân ngoại giao	QTDVDL&LH K12		30	165	162	101.85
				Du lịch bền vững	Du lịch K12	30				
					Du lịch K10		30			

					QTKS K10					
				Quản trị buồng	QTKS K10		45			
				Thực tế CN2	QTDVDL&LH K9					
				Thực tập tốt nghiệp	QTDVDL&LH K9 (Nhóm 1)		7.5			
					QTDVDL&LH K9 (Nhóm 2)		7.5			
				Thực tập DN 1	QTDVDL&LH K11		7.5			
				Thực tế CN1	QTDVDL&LH K12		7.5			
Lê Thanh	Hà	Hiệu trưởng	GVCC. PGS. Tiến sĩ	TACNDL 1	QTKS K10	60		210	45	466.67
				Tiếng anh	CH QLVHK8	60				
					CH QLCK3	60				
				Phân cấp trong quản lý hành chính	CH QLCK3	30				
Nguyễn Thị	Hà	TP	Tiến sĩ	PP cho trẻ làm quen với TPVH	ĐH GDMN K11A	45		120	83	144.58
					ĐH GDMN K11D	45				
				PP Nghiên cứu khoa học	ĐH QLVH K11B	30				
Trần Minh Thanh	Hà	Giảng viên	Thạc sĩ	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV	CTXHK9, CTXHK11A, CTXHK10B	45		207	270	76.67
				Công tác xã hội trẻ em	CTXHK9 + CTXHK10B	45				
				Công tác xã hội cá nhân	LTCTXHK12	60				
				Lý thuyết công tác xã hội	LTCTXHK12	45				

				Thực hành công tác xã hội cá nhân	LTCTXHK12	12				
				Lý thuyết thực hành công tác xã hội cá nhân	LTCTXHK12	7.5				
Lê Đình	Hải	Giảng viên	Thạc sĩ	Triết học Mác - Lênin	Lớp ghép năm I	45		195	270	72.22
				Kính tế chính trị	Lớp ghép năm I		30			
				Chủ nghĩa xã hội khoa học	Luật K11	30				
					QLNNK11					
					Đồ họa K11					
					TTTTV K11					
					CTXH K11					
					SPMT k11	30				
					Thanh nhạc K11					
					QLTT K11	30				
					GDTC K11					
					NNA K11					
					QTKS K11	30				
Phạm Thị	Hải	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 7	ĐH TNK9	15	15	465	270	172.22
				Thanh nhạc 3	ĐH TNK11	30	30			
				Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (dự kiến)	30	30			
				Thanh nhạc 5	TCNKANK33	15	15			
				Thanh nhạc 3	TCNKANK34	30	30			
				Thanh nhạc 1	TCNKANK35 (dự kiến)	15	15			
					THBD ĐHTNK11	15	15			

				Thanh nhạc 2	ĐHSPANK10	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK11	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK12 (dự kiến)		15			
					ĐHLTTNK10A	15	15			
					ĐHLTNK12VHVL	15	15			
				Thanh nhạc	ĐHMNK10A	15	15			
Bùi Thị Hằng	Hằng	Giảng viên	Thạc sĩ	Nhân trắc học cỡ số may mặc	TKTTK9	30		240	270	88.89
				Nguyên lý tạo dáng trang phục 3D	TKTTK9	45				
				Nguyên lý tạo dáng trang phục 2D	TKTTK10+ TKTTK11	45				
				Đồ họa thời trang phương pháp phác thảo nhóm mẫu	LTCQ TKTTK- HT	45				
				Bố cục cơ bản	TCNKHHK34	30				
				Đồ họa thời trang- PPPT nhóm mẫu	TKTTK12		45			
Đỗ Thị Hằng	Hằng	Giảng viên	Thạc sĩ	An toàn và bảo mật thông tin	ĐH TTTV K9, ĐHCNTT K10	45		300	270	111.11
				Trí tuệ nhân tạo	ĐH TTTV K9	45				
				Tin học đại cương	3 nhóm					
				An toàn và bảo mật thông tin	ĐHTTTVK10	45				
				Hệ điều hành	ĐH TTTV K11	30				
					LTTBTHK11A	45				

				Ứng dụng CNTT trong thư viện	TTTV K12A,B -HN	45				
				Ứng dụng CNTT trong công tác văn thư lưu trữ	LTVTLTK11B	45				
Hoàng Thị Thu	Hằng	Giảng viên	Thạc sĩ	Nghịệp vụ thư kí văn phòng	TTTV K12A,B -HN	45		255	270	94.44
					VTLLK12B	45				
				Lý thuyết truyền thông	CNTTrT K12	45				
				Ngôn ngữ truyền thông	CNTT K10	30				
					CNTT K12	45				
				Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	ĐH GDMN K11C	45				
Đặng Thế	Hanh	GV	Thạc sĩ	Đá cầu(3TC)	QLTDTTK10/0.6	54		348	270	128.89
				Cờ vua(3TC)	QLTDTTK11/0.6	54				
				Giáo dục thể chất 4,5(2TC/1 lớp)	không chuyên	48				
				Cờ vua (2)	QLTDTT k10	48				
				Giáo dục thể chất 2,3 (6tc/3 lớp)	không chuyên	14 4				
Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Giảng viên	Thạc sĩ	Ngữ nghĩa TA	NNA K10	45		405	270	150.00
					LTNNAK11 SDH	45				
					LTNNAK11 TX	45				
					LTNNAK11 HN	45				
					LTNNAK11A	45				
				Ngữ âm-âm vị học TA	LTNNAK11 SDH	45				

				Nghe nâng cao 1	NNA K10 + NNAK11	45				
					LTNNAK12	45				
				Nghe nâng cao 2	LTNNAK11A	45				
Bùi Thị	Hậu	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước trong công tác VTLT	LTVTLT K11B	45		180	270	66.67
					LTVTLTK12-TN	45				
					VTLTK12A	45				
				Thiết bị dạy học ở trường tiểu học	LTTBTHK11B	45				
Nguyễn Thị Thườn g	Hiền	Giảng viên	Thạc sĩ	Tiếng Anh 1	Lớp ghép 1 (40 SV)	45		585	270	216.67
				Tiếng Anh 2	Lớp ghép 1 (40 SV)	45				
				Ngữ âm-âm vị học TA	NNAK11	45				
				Nói cơ sở 1	NNAK12	45				
				Nói cơ sở 2	NNAK12	45				
				Nói nâng cao 1	NNAK10 + NNAK11	45				
						45				
					LTNNAK12	45				
				Nói nâng cao 2	LTNNAK12	45				
					NNAK10 + NNA K11	45				
				Nghe nâng cao 2	NNAK10	45				
					NNAK11	45				
					LTNNAK12	45				
Phạm Hoàng	Hiền	Phó trưởng khoa – Phụ	GVC. Thạc sĩ	Thanh nhạc 7	ĐH TNK9	30	30	684	232	294.83
				Thanh nhạc 3	ĐH TNK11	45	45			

		trách Khoa Âm nhạc		Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (dự kiến)	90	90			
				Thanh nhạc 5	TCNKK33	15	15			
				Thanh nhạc 3	TCNKK34	60	60			
				Thanh nhạc 1	TCNKK35 (dự kiến)	30	30			
				Thanh nhạc 5	ĐH TNK10	15	15			
				Thanh nhạc 2	ĐHSPANK10A	15	15			
					ĐHLTPANK11	15				
					ĐHLTPANK12	15	15			
				Thanh nhạc 5	TCNKK33 (Thay Lam)	15				
				Phương pháp giảng dạy thanh nhạc	ĐHTNK9 (PPSPTN)	24				
Hoàng Đình	Hiền	PTP. QLKH&HT QT	Tiến sĩ	Thủ tục hành chính	Lớp ghép		45	195	133	146.62
				Giải quyết khiếu nại tố cáo	CH QLCK3	45				
				Phòng, chống tham nhũng trong quản lý công		30				
				Phòng, chống tham nhũng trong quản lý công	CH QLCK2	30				
				Quản lý dịch vụ công		45				
	Hoa	Giảng viên	Thạc sĩ	CTXH với nhóm dân tộc thiểu số	CTXHK9	45		390	270	144.44

Hoàng Thị Thu				Phương pháp nghiên cứu trong CTXH	CTXHK11	60				
				Xây dựng và quản lý dự án	LTCTXHK10B; LTCTXHK11; CTXH K9	45				
				Phát triển cộng đồng	LTCTXHK11	60				
				Phương pháp nghiên cứu trong CTXH	LTCTXHK12	60				
				Xã hội học truyền thông	CNTrT K10	30				
					CNTrT K11	45				
				Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp	LTCTXHK10B – HB, CTXH K9.	7.5				
Lê Thị Hòa	Hòa	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đô thị và Nông thôn	LTCQ QLNNK10; CQ QLNN K10	45		390	270	144.44
				Quản lý nguồn lực xã hội	ĐHQLNNK10+K11	45				
				Tiến trình lịch sử Việt Nam	ĐHDLK12	45				
				Chính sách văn hóa thế giới	ĐHQLVHK11A	60				
				Chính sách văn hóa Việt Nam	ĐHQLVHK12A	60				
				Quản lý nguồn nhân lực văn hóa	ĐHQLVHK11B	60				
				Quản lý nguồn nhân lực văn hóa	ĐHQLVHK12A	60				

				Chính sách văn hóa Việt Nam	ĐHQLVHK12B	60				
Lê Ngọc	Hoàn	PP Khả thí GV	Thạc sĩ	Lập trình web	ĐH TTTV K9	45		165	81	203.70
				Tin học đại cương	2 nhóm	45				
				Quản trị nội dung website	CNTrT K10	30				
				Lập trình nâng cao	ĐH TTTV K10	45				
Phạm Thị	Hồng	CBVP kiêm GV	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất 4,5t (4TC/ 2 lớp)	không chuyên	96		168	135	124.44
				Giáo dục thể chất 1 (3TC/3 lớp)	không chuyên	72				
Nguyễn Thị	Hồng	TBM GDMN	Tiến sĩ. GVC	Tâm lý học lứa tuổi MN	ĐHLT GDMN K11B	60		270	237	113.92
					GDMNK12A,B-ĐL	60				
					GDMNK12A,B-HĐ	60				
					GDMN K11A	60				
					GDMN K11B					
				Tâm lý học lứa tuổi & tâm lý học SP	SPMTK11					
					SPMTK10					
				Nghịệp vụ sư phạm	SPMTK11	15				
					ĐHSPANK10	15				
Hoàng Thị	Huệ	PPT Khoa NN	Tiến sĩ. GVC	TACN 1	DLK10+ QTDVLHK10 + QTKSK9	60		360	203	177.34
				TACN 2	DLK9 + QTDVLHK9 + QTKS K9	60				

				Giao thoa VH	LTNNAK11TX	30				
					LTNNAK11A SĐH	30				
					LTNNAK11HN	30				
				Văn học Anh	LTNNAK11TX	45				
					LTNNAK11 HN	45				
				TADL	LTNNAK11 TA	30				
					LTNNAK11HN	30				
Phạm Cẩm	Hùng	PGĐ TTTV	Thạc sĩ	PP GDTC cho trẻ MN	ĐH GDMN K10A	45		135	87	155.17
					ĐH GDMN K10B	45				
					GDMNK12A,B-HĐ	45				
Ninh Quang	Hùng	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 7	ĐH TNK9	15	15	465	270	172.22
				Thanh nhạc 3	ĐH TNK11	30	30			
				Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (dự kiến)	45	45			
				Thanh nhạc 3	TCNKANK34	15	15			
				Thanh nhạc 1	TCNKANK35 (dự kiến)	45	45			
				Thanh nhạc 2	ĐHSPANK10	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK11	15	15			
					ĐHSPANK12		15			
					ĐHLT PK11 VHVL	15				
				Thanh nhạc 1	ĐHLT PK11B VHVL	15	15			
					ĐHLTSPK12 VHVL	15	15			
				Thanh nhạc 3	TCNKANK34 (thay Tuyết)	15				

Đỗ Thị Thu	Hương	GV kiêm Vp	Thạc sĩ	Người dùng tin	LTTTTVK10B	45		270	135	200.00
					LTTBTHK11A	45				
					LTTBTHK11B	45				
				Lưu trữ học	VHVL VTLT K12A,B - HN	45				
					VTLTK12B	45				
				Thư viện học đại cương	TBTHK12A	45				
Lê Thị	Hương	GV kiêm VP	Thạc sĩ	PP phát triển NN cho trẻ MN	GDMN K11A	45		225	135	166.67
				Văn hóa giao tiếp	QTKS K12	45				
					Du lịch K11		45			
				Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Lớp 1	45				
					Lớp 2	45				
Tô Thị	Hương	PTK TDDT	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học(2TC)	QLTDDT K10/0.8	24		492	232	212.07
				giáo dục thể chất 4,5 (4tc/ 2 lớp)	không chuyên	96				
				Phương pháp GDTC cho trẻ mầm non (3TC)	GDMN	45				
				khieu vũ thể thao (3)	QLTDDT k9	45				
				Lịch sử TDDT	QLTDDT K10	24				
				giáo dục thể chất 2,3 (2/ 1 lớp)	không chuyên	48				

				Khiêu vũ	ĐHTNK10SPANK10; TCNKK34	30				
				Aerobic dành cho trẻ MN	GDMN K10B	45				
				PP GDTC cho trẻ MN	GDMNK12A,B-HP	45				
					GDMN K10C	45				
					GDMNK11A,B-TB	45				
Trần Thu	Hương	Giảng viên	Thạc sĩ	PP TCHĐ ÂN cho trẻ MN	ĐHGDMN LTK11B	45		285	270	105.56
				LC& SD tp ân trong GDMN	GDMNK11A3,B1-HN	45				
					ĐHGDMN LTK12	45				
					GDMNK11A3,B1-HN	45				
				PP TCHĐ ÂN cho trẻ MN	ĐH GDMN K11D	30				
				LC& SD tp ân trong GDMN	GDMN K10B	45				
					ĐH GDMN K11D	30				
Nguyễn Thị	Hương		Thạc sĩ	Tiếng Trung 1	NNAK10	60		105	135	77.78
				Tiếng Trung 2	NNAK10	45				
Vi Minh	Huy	Giảng viên	Tiến sĩ Văn hóa dân gian	Lý thuyết âm nhạc 1	ĐHSPAN K12+TN K12	45		360	232	155.17
				Lý thuyết âm nhạc 2			45			
				Hòa âm	Đại học Thanh nhạc K11+SPANK11	45				

					Đại học liên thông SPANK11A		45			
				Hòa âm 1	Đại học Thanh nhạc K10	30				
				Hòa âm 2			30			
				Hòa thanh	Trung cấp âm nhạc K34	30				
				KXÂ3,4	Đại học Thanh nhạc K11	30				
					Đại học liên thông SPANK11A+K11B	30				
				Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	QLVHK8		30			
Vũ Thị	Huyền	Giảng viên	Thạc sĩ	Múa và phương pháp biên đạo múa	GDMNLT K11A-BNg	45		555	270	205.56
					GDMNK11A,B-SL	45				
					GDMNK11A1,A2,B-HN	45				
					GDMNK11A3,B1-HN	45				
					ĐH LTGDMN K10B	45				
					ĐHLT GDMN K11A	45				
					GDMNLT K11A-BNg	45				
				Tổ chức sự kiện	QTDVDL&LH K10	30				
					Du lịch K9					

				Dàn dựng chương trình nghệ thuật	ĐH QLVH LTK10B	60				
					ĐH QLVH LTK11A	60				
				Tổ chức sự kiện	ĐH QLVH K10B	30				
				Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật	ĐH QLVH K11A	60				
Hoàng Bá	Khải	TP. Thanh tra	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về kinh tế	LTCQ QLNN K11	30		60		
					Lớp ghép	30				
Trịnh Thị Thúy	Khuyen	Phó trưởng Bộ môn – Phụ trách Bộ môn Thanh nhạc – Nhạc cụ	Thạc sĩ (NCS)	Thanh nhạc 5	ĐH TNK10	30	30	525	232	226.29
				Thanh nhạc 3	ĐH TNK11	30	30			
				Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (dự kiến)	45	45			
				Thanh nhạc 5	TCNKANK33	30	30			
				Thanh nhạc 3	TCNKANK34	30	30			
				Thanh nhạc 1	TCNKANK35 (dự kiến)	30	30			
				Thanh nhạc 2	ĐHSPANK10	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK11	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK12 dự kiến)	15	15			
					ĐHLTSPK11VHVL	15				
					ĐHLTSPK11VHVL	15	15			
Đỗ Thị	Lam	Giảng viên	Thạc sĩ (NCS)	Thanh nhạc 6	ĐH TNK10		15	135	115	117.39
				Thanh nhạc 2	ĐH TNK11		30			
				Thanh nhạc 6	TCNKK33		15			
				Thanh nhạc 4	TCNKK34		15			

				Thanh nhạc 3	ĐHSPANK10		15			
				Thanh nhạc 2	ĐHSPANK11		15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK12		15			
				THBD	TCNK TNK34		15			
Đồng Hương	Lan	PHT	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao (3TC)	QLTDTT K11	36		81	58	139.66
				Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	GDMNK12A,B-ĐL	45				
Lê Thị Thanh	Loan	Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất 4,5 (2TC)	không chuyên	48		186	135	137.78
				Giáo dục thể chất 1 (2tc/2 lớp)	không chuyên	48				
				Phương pháp giảng dạy cầu lông (2)	GDTC K11/0.6	90				
Lê Thị Thảo	Linh	Giảng viên	Thạc sĩ (NCS)	Nhân sự hành chính nhà nước	LTCQ QLNNK10B	45		135	135	100.00
				Hành chính công	ĐHCQ QLNN K10, K11		45			
				Lý luận về nhà nước pháp quyền	ĐH Luật K11		45			
Nguyễn Hoàng	Linh	Giảng viên	Thạc sĩ	Hình họa 4	TKTTK10+ ĐHK10	15		765	270	283.33

			Hình họa 2: Chân dung người và bán thân nam, nữ	TKTTK11+ ĐHK11	15				
			Hình họa 6: Toàn thân nam, nữ khỏa thân 3	SPMTK9	15				
			Bố cục 6	SPMTK9	15				
			Hình họa 5	SPMTK10	15				
			Hình họa 3	SPMTK11	15				
			Bố cục 2	SPMTK11	15				
			Hình họa 6+ Hình họa 5	LTCQ SPMTK10B+ LTCQ SPMTK11A	15				
			Hình họa 5	TKTTK10+ ĐHK10			15		
			Hình họa 6	SPMTK10			15		
			Bố cục 5: chủ đề chép tranh dân gian và tự chọn (chất liệu sơn mài)	SPMTK10			30		
			Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân nam, nữ	SPMTK11			15		
			Bố cục 3: chủ đề phong cảnh và tự chọn 1	SPMTK11			15		
			Hình họa 2	SPMTK12			15		
			Bố cục 1	SPMTK12			15		

				Hình họa màu 3 (mẫu người)	TCNKHHK34		30			
				Mỹ thuật cơ bản	ĐH GDMN K11B	45				
					ĐH GDMN K11C	45				
				Hướng dẫn và làm đồ dùng đồ chơi cho MN	ĐH GDMN K10B	45				
					ĐH LT GDMN K10B	45				
					GDMNLT K11B-BNg	45				
					ĐH GDMN K11C	45				
					ĐH GDMN K11D	45				
					ĐH LT GDMN K12	45				
					GDMNK12A,B-HĐ	45				
					GDMNK12A,B-HP	45				
					GDMNK11A,B-TB	45				
Trần Đình	Lộc	Giảng viên	Thạc sĩ	Trang trí 1	TCNKHHK34	30		195	270	72.22
				Thiết kế ấn phẩm truyền thông	CNTrTK10		45			
				Truyền thông doanh nghiệp và tiếp thị	CNTrTK10		30			
				Kỹ thuật quảng cáo	CNTrTK11		30			
				Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật	VHVL TTTVK12A- TP HCM		30			
				Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật	VHVL TTTVK12A- HN		30			

Lê Mai	Ly	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 7	ĐH TNK9	30	30	510	270	188.89
				Thanh nhạc 5	ĐH TNK10	15	15			
				Thanh nhạc 3	ĐH TNK11	30	30			
				Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (dự kiến)	30	30			
				Thanh nhạc 5	TCNKANK33	15	15			
				Thanh nhạc 3	TCNKANK34	15	15			
				Thanh nhạc 1	TCNKANK35	15	15			
					THBDK34	15				
					THBDK35		15			
					THBDK9	15				
				Thanh nhạc 2	ĐHSPANK10	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK11	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK12		15			
					ĐHLTSPK11 VHVL	15				
					ĐHLTSPK12 VHVL	15	15			
Mai Nguyệt	Minh	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 2	ĐH TNK10 (thay Lam)	15		285	270	105.56
				Thanh nhạc 1	ĐH TNK11 (thay Lam)	30				
				Luật sở hữu trí tuệ	ĐH Luật K10	30				
				Luật Thương mại 2	ĐH Luật K11A	45				
				Luật Thương mại	Luật K10		75			
				Luật Thương mại 1	Luật K11AB- ĐT		45			
				Luật Thương mại 2	ĐH GDMN K9		45			

				Luật Thương mại 2	ĐH GDMN K11D	45				
Đinh Thị Mơ		Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục học mầm non	GDMNK12A,B-HP	45		285	270	105.56
					GDMNK11A,B-TB	45				
					SPMTK11	45				
					Lớp ghép 5 (40 SV)	45				
				Giáo dục học đại cương	GDMNK12	45				
				Giáo dục học	Lớp ghép 6 (40 SV)	60				
Nguyễn Thị Hà	My	Giảng viên	Thạc sĩ. Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	Lớp ghép 2 (40 SV)	45		450	270	166.67
					Lớp ghép 3 (40 SV)	45				
				Tiếng Anh 2	Lớp ghép 2 (40 SV)	45				
					Lớp ghép 3 (40 SV)	45				
				Đất nước học	LT NNA K11 TX	45				
					LT NNA K11 HN	45				
					LTNNAK11	45				
					LTNNAK11 SDH	45				
					LTNNAK11A2 TN	45				
				Tiếng Anh	LTCQ, VLVH	45				
Luu Vũ	Nam	GV kiêm Vp	Thạc sĩ	ỨD CNTT trong GDMN	GDMN K9	30		120	135	88.89
				Khai phá dữ liệu	ĐH TTTV K9	45				
				Hệ quản trị CSDL	ĐH TTTV K10	45				
Mai Thị Thu	Nga	Giảng viên	Thạc sĩ	Đồ họa thời trang- PP phác thảo mẫu đơn chiếc	TKTTK12	45		105	138	76.09
				Hình hoạ màu 2	TCNKHKK34	30				

				Thiết kế họa tiết trang trí vải và sp thời trang	TKTTK10		30			
Nguyễn Thị Thanh	Nga	CBVP kiêm GV	Thạc sĩ (NCS)	Các ngành CN văn hóa	ĐH QLVH K10B	30		135	68	198.53
					QLVH K12B					
				Kinh tế học văn hóa	ĐH QLVH K11A	30				
					ĐH QLVH K11B	30				
				Marketing văn hóa	ĐH QLVH K11	45				
Bùi Thị	Ngoa n	Giảng viên	Thạc sĩ	Sáng tác tranh khổ giấy	TCNKHHK34	30		375	270	138.89
				Đồ họa vi tính 1	ĐHK12+ TKTTK10	15				
					ĐHLTCQ K11HT	45				
				Nghiên cứu thiên nhiên	ĐHK12	45				
				Sáng tác thiết kế 1	ĐHK11	30				
				Thiết kế 4: sáng tác logo	ĐHK10	30				
				Thiết kế 8: sáng tác thiết kế đồng bộ sản phẩm	ĐHK9	15				
				Trang trí cơ bản	SPMTK12		15			
				Sáng tác thiết kế 2	ĐHK11		30			
				Thiết kế 5: sáng tác bao bì	ĐHK10		30			
				Mỹ thuật cơ bản	ĐH GDMN K11A	45				
					ĐH GDMN K11D	45				
Lê Thị	Ngọc	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô	QTDVDL&LH K12	45		210	270	77.78

					QTKS K12	45				
				Thanh toán quốc tế trong du lịch	Du lịch K10		30			
				Nguyên lý kế toán	QTDVDL&LH K12		30			
				Marketing	QTDVDL&LH K10	30				
					Du lịch K9					
					QTKS K10	30				
Lê Quốc	Nguyễn	Giảng viên	Thạc sĩ	Đọc cơ sở 1	NNA K12	45		495	270	183.33
				Đọc cơ sở 2	NNAK12	45				
				Đọc nâng cao 1	NNA K10 +NNAK11	45				
					LTNNAK12	45				
				Đọc nâng cao 2	LT NNA K11 SDH	45				
					NNAK10 + NNAK11	45				
					LTNNAK12	45				
				Tiếng Anh 1	TCNK	45				
					Lớp ghép 4 (40 SV)	45				
				Tiếng Anh 2	TCNK	45				
					Lớp ghép 4(40 SV)	45				
Nguyễn Thị	Nhun g	Phó trưởng phụ trách bộ môn TTTV	GVC. Thạc sĩ (NCS)	SP và dịch vụ TTTV	LTTTTVK10B	45		420	145	289.66
					LTTBTHK11A	45				
				Xử lý thông tin1	TBTHK12A, K12B	45				
				Xử lý thông tin 2	LTTBTHK11A, K11B	45				
				Tiêu chuẩn hóa trong công tác VTLT	LTVTLTK11A, K11B	45				

				Thư viện trường học	TTTV K12A,B -HN	30				
					TBTHK12A, K12B	30				
				Thông tin học đại cương	VTLTK12-HT	45				
					VTLTK12A	45				
					VTLTK12AB	45				
Hoàng Thị Kim	Oanh	TBM QLVH	GVC.Tiến sĩ	Ngh nghiệp vụ văn thư 1	VTLT K12A,B -HN	60		465	232	200.43
					VTVTK12-TN	60				
					VTLTK12AB Đắc Lăk	60				
				Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	VTLTK12B	30				
				Kỹ năng viết truyền thông	ĐHCNTrTK10	45				
				Tiếng Việt thực hành	GDMNK12A,B-HĐ	30				
					GDMNK11A,B-SL	30				
				Kỹ thuật soạn thảo văn bản	CQ QLNN K11 + Luật K9	30				
					LTVLVH K11B	30				
				Phương pháp luận NCKH	ĐHQTKSK11	30				
					ĐHNNAK11	30				
					ĐHDLK11					
					ĐHDL&LHK11					
					ĐHSPMTK11	30				
					ĐHCNTrTK11					
Trần Thị	Oanh	Giảng viên	Thạc sĩ	Âm nhạc cơ bản	GDMNLT K11B-BNg	30		465	270	172.22
					ĐH GDMN K12	45				

				PP TCHĐ ÂN cho trẻ MN	GDMN LTK11A	45					
					LC& SD tp ân trong GDMN	GDMNLT K11A-B - BNg	45				
						ĐHGDMN K10A	45				
						ĐHGDMNK10C					
				PP TCHĐ ÂN cho trẻ MN	GDMN K11C	30					
					GDMNK11A,B-TB	30					
				PP TCHĐ ÂN cho trẻ MN	GDMNK11A1,A2,B-HN	45					
					ĐH GDMN K10A	45					
				Công tác đội thiếu niên tiền phong HCM	SPMTK9 SPMTK11 SPANK11	45					
				PP dạy học ÂN	SPANK11	45					
Nghiệp vụ sư phạm 3	SPANK10	15									
Vũ Thị Hoàng	Oanh	Giảng viên	Thạc sĩ	Lịch sử ĐCSVN	GDMN K10A	30		300	290	103.45	
					Lớp ghép	30					
					GDMN K10B	30					
					GDMN K10C	30					
					QTKS K10	30					
				Tư tưởng HCM	Luật K11		30				
					QLNNK11						
					Đồ họa K11						
					TTTTV K11						
					CTXH K11						
					SPMT K11		30				
					Thanh nhạc K11						

					QLTT K11		30			
					GDTC K11					
					NNA K11					
					Du lịch K11		30			
					ĐHSPANK11		30			
Phùng Thị Thúy	Phuong	GD TTTVTiến sĩ, GV	Thạc sĩ	PP hình thành bt toán cho trẻ MN	GDMNK12A,B-ĐL	45		90	68	132.35
					GDMNK12A,B-HP	45				
Trịnh Xuân	Phuong	Giảng viên	Thạc sĩ	Du lịch văn hóa	Du lịch K9	30		150	238	63.03
				Văn hóa ẩm thực	Du lịch K10	30				
					QTKS K10					
					QTDVDL&LH K10	30				
				Quản trị chế biến món ăn	QTKS K10 (nhóm 1)	60				
				Thực tế du lịch 2	Du lịch K9	7.5				
				Thực tập tốt nghiệp	Du lịch K9	7.5				
				Thực tế doanh nghiệp 1	Du lịch K11	7.5				
				Thực tế nghề nghiệp 1	Du lịch K12	7.5				
Nguyễn Thị	Phuong	Giảng viên	Thạc sĩ	Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học 1	DH GDTH K1	45		450	270	166.67
				Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	ĐH LT GDMN K12	45				
					ĐH GDMN K11D	45				
					GDMN K10A	30				
					GDMN K10B	30				

					ĐH LT GDMN K12	45				
					GDMNK11A,B-TB	45				
				Thông kê học	ĐH TTTV K11	45				
				Thông kê học	TBTH K11B, VTLTK11	45				
				TBDH môn Vật lý	LTTTTVK10B	30				
				Các phương pháp toán tối ưu	ĐHTTTVK11	45				
Nguyễn Trọng	Phượng	Giảng viên	Tiến sĩ	Sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện	ĐH LTTT-TVK10B	45		90	90	36.7
				Người dùng tin	ĐH LTTT-TVK10B	45				
Phạm Thị	Phượng	TP. TCCB	GVC. Thạc sĩ	Logic học	Luật K11		30	30	73	41.10
Trần Xuân	Quan	Giảng viên	Thạc sĩ	Bố cục 6 + Bố cục 5	LTCQ SPMTK10B LTCQ SPMTK11A	15		285	270	105.56
				Hình họa 1	SPMTK12	15				
				Bố cục 2	SPMTK11	15				
				Hình họa 3	SPMTK11	15				
				Bố cục 4	SPMTK10	15				
				Sáng tác thiết kế 1: Tranh khắc	ĐHK11	15				
				Hình họa 2: Chân dung người và bán thân nam, nữ	ĐHK11 +TKTTK11	15				
				Ký họa	ĐHK9	30				
				Hình họa đen trắng 1	TCNKHKK35		30			
				Hình họa đen trắng 3 (mẫu người)	TCNKHKK34		30			
				Hình họa 2	SPMTK12		15			

				Hình họa 4: Tỉnh vật phức hợp và bán thân nam, nữ	SPMTK11		15			
				Hình họa 1	ĐHK12 +TKTTK12		15			
				Hình họa 3	TKTTK11 + ĐHK11		15			
					ĐHLTCQ TKTTK11HT		30			
Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	PPT Khoa Du lịch	Tiến sĩ	Tổng quan du lịch	QTDVDL&LH K12	45		240	203	118.23
					Du lịch K12					
				Thực hành HDDL	QTDVDL&LH K10		45			
				Quản lý nhà nước về du lịch	QTDVDL&LH K10	15				
					Du lịch K10					
					QTKS K12		30			
					LTCQ QTKSK11HT	30				
					QTKS K10	15				
				Phát triển văn hóa cộng đồng	CH QLVHK8		30			
				Văn hóa học	ĐH QLVH K11	30				
					LT QLVH K12A + B					
Nguyễn Như	Son	Giảng viên	Thạc sĩ (NCS)	Công vụ - công chức	CQ QLNN K10		30	315	115	273.91
					LT QLNN K11A,B	30				
				XDVB pháp luật	ĐH Luật K10	45				
					ĐH Luật K11					
				Thi hành án dân sự	ĐH Luật K10	30				

					ĐH Luật K10B					
				Luật Tố tụng dân sự	ĐH Luật K11	45				
					ĐH Luật K10					
					Luật Tố tụng dân sự	Luật K11A		45		
					Luật Tố tụng dân sự	Luật K11AB- ĐT	45			
					XDVB pháp luật	Luật K11AB- ĐT	45			
Nguyễn Thanh	Tâm	GV	Thạc sĩ (NCS)	Kế hoạch hóa TDTT(2TC)	QLTDTT K9/0.8	24		93	124	75.00
				giáo dục thể chất 1 (1tc/1 lớp)	Không chuyên	24				
				Bóng rổ (3)	QLTDTT K9/0.5	45				
Đặng Thanh	Tăng	Giảng viên	Thạc sĩ	Piano 1	TCNKAN K34	30	30	705	270	261.11
				Đàn phím điện tử 1,3	TCNKAN K35	15	15			
				(Sư phạm)						
				Organ (MN)	ĐHTN K10- Piano1	15	15			
					ĐHTN K11- Piano1	30	30			
					ĐHTN K12- Piano1	30	30			
					ĐH SPAN K10CQ	45	45			
					ĐH SPAN K11CQ	60	60			
					ĐH SPAN K12CQ		45			
					ĐHSPANLTK12A. (VLVH)	45	45			
					ĐH SPMN K11C.CQ	30	30			
					ĐHSPMNK11C.LTCQ	30	30			

Nguyễn	Thái	PTK GDMN	Tiến sỹ	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	GDMNK11A,B-TB	45		540	197	274.11
					ĐHGDMN LTK12	45				
					GDMNK12A,B-ĐL	45				
					GDMNK12A,B-HĐ	45				
					GDMNK12A,B-HP	45				
				Hướng dẫn kể chuyện cho trẻ mầm non	GDMN K10A	45				
					GDMNK11A3,B1-HN	45				
				PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	GDMN K10A	45				
					GDMN K10B	45				
					GDMN K11B	45				
					GDMN K11C	45				
					GDMN K11D	45				
Phan Hồng	Thái	Giảng viên	Thạc sỹ	Giáo dục thể chất 4,5 (2TC)	không chuyên	48		102	81	125.93
				Bóng bàn (3)	QLTDTT K11	54				
Đỗ Mạnh	Thắng	Giảng viên	Thạc sỹ	Piano 1,2	TCNKAN K33	30	30	750	270	277.78
				Đàn phím điện tử 2,3 (Sư phạm)	TCNKAN K34	15	15			
						15	15			
				Đệm đàn	TCNKAN K35	15	15			
				Biểu diễn dàn nhạc tổng hợp	ĐHTN K10- Piano2	15	15			
					ĐHTN K11- Piano2	30	30			
					ĐHTN K12- Piano1	30	30			
					ĐH SPAN K9. CQ	30				
					ĐH SPAN K10.CQ	45	45			
					ĐH SPAN K11.CQ	45	45			
					ĐH SPAN K12CQ		45			

					ĐH SPÂN K11B. LTVLVH	15				
					ĐH SPÂN LTK12A. LTVLVH	45	45			
					ĐH SPMN K11B. LTCQ	30	30			
					ĐH SPMN K11B. LTCQ	30	30			
Phạm Văn	Thăng	Trưởng bộ môn SPMT	Thạc sĩ	Hình họa 6	SPMT K9	15		240	135	177.78
				Bố cục 6	SPMT K9	30				
				Hình họa 5	SPMT K10	15				
				Hình họa đen trắng 2	TCNKH HK34	30				
				Hình họa 6+ Hình họa 5	LTCQ SPMT K10B LTCQ SPMT K11A	30				
				Bố cục 6+ Bố cục 5	LTCQ SPMT K10B LTCQ SPMT K11A	30				
				Hình họa màu 1	TCNKH HK35		30			
				Bố cục 3: chủ đề phong cảnh và tự chọn 1	SPMT K11		15			
				Hình họa 6: toàn thân nam, nữ khóa thân 3	SPMT K10		30			
				Hình họa 5: toàn thân nam nữ khóa thân 2	ĐHK10 TKTTK10		15			
Lê Bá	Thánh		Thạc sĩ		ĐH GDMN K10B	45		405	81	500.00
					GDMN K12A,B-HP	45				

		PGĐ TTGDTXL K		PP cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	GDMNK11A,B-TB	45				
				Giao tiếp sự phạm mầm non	GDMNK11A3,B1-HN	45				
					ĐHLT GDMN K11B	45				
				Tâm lý khách du lịch	QTDVDL&LH K10	30				
					QTDVDL&LH K11					
					QTKS K10	30				
				Tâm lý truyền thông	CNTrT K10	45				
				Tổ chức sự kiện	CNTrT K10	30				
				Tâm lý học truyền thông	CNTTK11	45				
Nguyễn Công	Thàn h	GV	Thạc sĩ	Chuyên sâu bóng đá 1 (3tc)	GDTC. K11	54		345	270	127.78
				Bóng đá(3TC)	QLTDTTK9/0.5	45				
				Giáo dục thể chất 1 (2 tc/2 lớp)	Không chuyên	48				
				Quản lý thể thao giải trí (2)	QLTDTT k9	24				
				Quản lý báo trí và truyền thông thể thao (2)	QLTDTT k10	24				
				Bóng đá (3)	QLTDTT k12	54				
				Giáo dục thể chất 2,3 (4c/2 lớp)	Không chuyên	96				

Nguyễn Tiền	Thàn h	Giảng viên	Thạc sĩ	Lịch sử âm nhạc Thế Giới	Đại học SPAN K11	60		420	270	155.56
				Lịch sử âm nhạc Việt Nam	Đại học SPAN K11		45			
					Đại học liên thông SPANK11A	45				
				Lịch sử âm nhạc	TCNK K34	30				
				KXÂ4	SPAN K11+TNK11		30			
				KXÂ5	Đại học SPAN K10 TNK10	30				
				KXÂ6	TCNK K33		30			
				Chỉ huy hợp xướng	Đại học SPAN K10		30			
				Hợp xướng 1	Đại học Thanh nhạc K10		30			
				Hợp xướng 2	TCNK K33	30				
					Đại học Thanh nhạc K9	30				
				Hình thức âm nhạc	TCNK K34	30				
Vũ Trọng	Thàn h	TBM Đồ họa	Thạc sĩ	Đồ họa vi tính	TKTTK10 + ĐHK12	15		150	135	111.11
				Thiết kế 8	ĐHK9	30				
				Thiết kế giao diện website	ĐHK9	30				
				Mỹ thuật đa phương tiện	LT SPMTK11	30				
				Thiết kế 6: sáng tác tranh cổ động, poster	ĐH K10		30			

				Trang trí cơ bản	SPMT K12		15			
Hà Diệu Thu	Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật Hình sự 2	ĐH Luật K11	45		180	270	66.67
					ĐH Luật K11B					
					ĐH LTCQ K10B					
				Luật Hôn nhân và gia đình	Luật K10		45			
				Luật Hình sự 1	Luật K12AB- DL	45				
					Luật K12AB- ĐT	45				
				Thực tế nghề nghiệp + Thực tập cuối khóa	Bộ môn phân cụ thể					
Hoàng Thị	Thảo	Giảng viên	Tiến sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	GDMN K11A	30		285	290	98.28
					GDMN K11B	30				
					GDMN K11D	30				
				Kính tế chính trị	QTKS K12		30			
					Lớp ghép		30			
				Triết học Mác - Lênin	Lớp ghép	45				
				Triết học	CH QLCK3	60				
				Chính trị học trong quản lý công	CH QLCK3	30				
Lê Thị	Thảo	Trưởng khoa	Tiến sĩ	Quản lý Di sản văn hóa	CH QLVH K8		45	225	203	110.84
				Phát triển văn hóa cộng đồng	CH QLVHK7	30				
				Làng xã cổ truyền của người Việt	ĐH QLVH K11	45				
					LT QLVH K11A + B					

					LT QLVH K12 A + B					
				Quản lý nhà nước về văn hóa	ĐH QLVH K11	45				
					ĐH QLVH K12B					
				Quản lý di sản văn hóa	ĐH QLVH LTK11B	60				
					ĐH QLVH K12A+10B					
Nguyễn Đình	Thảo	GD.TTGDT X&LK	GVC. Thạc sĩ	Piano	ĐHTNK12	15	15	30	73	41.10
Tào Thu	Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ	Biên dịch	LTNNAK11HN	45		510	270	188.89
				Viết cơ sở 1	NNA K12	45				
				Viết cơ sở 2	NNA K12	45				
				Tiếng Anh	LTCQ, VLVH	45				
				Viết nâng cao 1	NNAK10 + NNAK111	45				
					LTNNK12	45				
				Viết nâng cao 2	LTNNAK11SDH	45				
					LTNNAK11A	45				
					NNAK10 + NNAK11	45				
					LT NNA K12	45				
				Ngữ pháp TA	NNA K11	60				
Phạm Đắc	Thị h	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 1	TCNKANK35	30	30	60	270	0.22
Bùi Thị	Thu	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 7	ĐH TNK9	30	30	420	270	155.56
				Thanh nhạc 5	ĐH TNK10	15	15			

				Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (dự kiến)	30	30			
				Thanh nhạc 5	TCNKANK33	15	15			
				Thanh nhạc 3	TCNKANK34	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK11	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK12 (dự kiến)		15			
					ĐHSPLTK12VHVL	15	15			
				Hát (MN)	GDMNK10	15	15			
				Hát (MN)	GDMNK12	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (thay Tuyết)	15				
				Thanh nhạc 1	TCNKANK35 (thay Tuyết)	30				
				Thanh nhạc 7	ĐHTNK9 (Thay Tuyết)	15				
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK11 (Thay Lam)	15				
Lê Thị Minh	Thư	CBVP kiêm GV	Thạc sĩ	Giải phẫu tạo hình	SPMTK12	15		240	230	104.35
				Lịch sử MT	SPMTK10B –HN SPMTK10B- VP (LT VLVH)	45				
				Mỹ thuật ứng dụng	GDMN K10A - BĐ GDMN K10B- BĐ (LT VLVH)	30				
				Giải phẫu tạo hình	TCNKHKK35+ TKTTK12		15			

				Lịch sử MTTG	SPMTK10+ ĐHK10		45			
				Mỹ thuật ứng dụng	VHVL GDMN K12A – HN + K12B- HN		30			
				Mỹ thuật ứng dụng	VHVLGDMN K12A – ĐL + K12B- ĐL		30			
				Mỹ thuật ứng dụng	VHVLGDMN K12A - HP + K12B - HP		30			
Nguyễn Thị	Thục	Phó HT	PGS.Tiến sĩ	Quản lý nhà nước về du lịch	QTDVDL&LH K10	15		180	62	290.32
					Du lịch K10					
					QTKS K10					
				Khoa học quản lý	ĐH QLVH K11	45				
					LT QLVH K11A + B					
					QLVH K12 A + B					
				Pháp luật văn hóa	ĐH QLVH K11	60				
				Phát triển chính sách văn hóa	CH QLVHK7	30				
Ngô Phương	Thúy	Giảng viên	Thạc sĩ	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	CH QLVHK8		30	315	230	136.96
				Quản trị nhân lực	QTDVDL&LH K9	45				
				Quản trị thương hiệu	QTDVDL&LH K9	45				
					QTKS K9					

				Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	QTDVDL&LH K10	45							
				Marketing du lịch	QTKS K11	45							
					QTDVDL&LH K11			45					
					LTCQ QTKS K11 - HT	45							
				Quản trị kinh doanh KS	QTKS K11			45					
Nguyễn Thị Hồng	Thúy	TBM TKTT	Thạc sĩ	Thiết kế thời trang với nghệ thuật thủ công truyền thống	TKTTK9	45			270	247	109.31		
				Thiết kế thời trang trẻ em	TKTTK10								
				Thiết kế thời trang cho hình ảnh cá nhân	TKTTK11	45							
				Nguyên lý thiết kế trang phục	TKTTK12	45							
				Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục dạ hội	TKTTK10			45					
				Thiết kế thời trang trẻ em	TKTTK10			45					
				Thiết kế thời trang cho hình ảnh cá nhân	ĐHLT TKTT K11HT	45							
Vũ Thị	Thủy	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị khu resort	QTDVDL&LH K9	45			270	270	100.00		
					QTKS K9	45							
				Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	QTDVDL&LH K10			45					
					Du lịch K11								

				Tổng quan khách sạn	QTKS K12		45			
				Hoạt náo cho trẻ mầm non	Lớp 1	30				
					Lớp 2	30				
				TC hoạt động hoạt náo	GDMN K11A	30				
Bùi Đặng Thu	Thủy	Giảng viên	Thạc sĩ	Khoa học điều tra tội phạm	ĐH Luật K10	30		194	270	71.85
					ĐH Luật K10B					
				Luật Tổ tụng hình sự	Luật K10B	45				
					Luật K11AB					
				Tư pháp quốc tế	ĐH Luật K9		30			
				Luật Tổ tụng hình sự	ĐH Luật K11		45			
				Tư pháp quốc tế	Luật K10B		30			
				Thực tế nghề nghiệp + Thực tập cuối khóa	Bộ môn phân cụ thể		14			
Nguyễn Thị	Thủy	Giảng viên	GVC. Tiến sĩ	Quản lý hoạt động thông tin truyền thông	LTCQ QLVHK 10B	45		285	290	98.28
				Quản lý các thiết chế văn hóa	LTCQ QLVH K10B+11B (ghép lớp)	45				
				Quản lý các thiết chế văn hóa	LTCQ QLVHK 12	60				
				Quản lý dự án văn hóa	LTCQ QLVHK 10B	45				
				Xây dựng kế hoạch dự án văn hóa	ĐH QLVH K11					
				Xây dựng dự án văn hóa	LTCQ QLVH K10B	45				

				Xây dựng kế hoạch dự án văn hóa	ĐHQLVHK12A	45				
Tạ Thị	Thủy	Giảng viên	Tiến sĩ	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm VH	GDMNLT K11B-BNg	45		480	290	165.52
				Tiếng Việt 1	DH GDTH K1	30				
				Tiếng Việt 2	DH GDTH K1	45				
				Công tác VTLT trong các cơ quan nhà nước	LT VTLT K11A	60				
				Lý luận và phương pháp công tác văn thư	LT VTLT K11B	30				
					LT VTLT K12B	30				
				Công tác văn thư lưu trữ trong các doanh nghiệp	LT VTLT K11A	60				
				Văn hóa các DT ít người ở VN	ĐH QLVH K11	45				
				Quan hệ công chúng	CNTT K11	45				
				Công chúng truyền thông	CNTT K11	45				
				Pháp luật và đạo đức truyền thông	CNTT K11	45				
Vũ Thị	Thùy	Giảng viên	Thạc sĩ (NCS)	Tư tưởng HCM	GDMN K11B		30	150	270	55.56
					GDMN K11D		30			
					GDMN K11A		30			
				Lịch sử Đảng CSVN	Thanh nhạc K10	30				
					QLNNK10					
					Luật K10					
					TDTT K10					

					GDMN K10A	30				
Trần	Tiến	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ	QTDVDL&LH K9	45		285	232	122.84
					QTDVDL&LH K11		45			
				Quản trị kinh doanh lữ hành	QTDVDL&LH K10	30				
					Du lịch K9					
					QTKS K10		30			
				Quản trị học	QTDVDL&LH K11	45				
					QTKS K11	45				
					Du lịch K11		45			
Dương Đình	Tiến	GV	Thạc sĩ	Aerobic(3TC)	QLTDTTK9/0.6	45		390	270	144.44
				Giáo dục thể chất 4,5 (2TC)	Không chuyên	48				
				Phương pháp giảng dạy thể dục (3TC)	QL TDTT K9	54				
				Giáo dục thể chất 1(3TC/3 lớp)	Không chuyên	72				
				thực tập cuối khóa	QLTDTTK9	7.5				
				Giáo dục thể chất 2,3 (4tc/2 lớp)	Không chuyên	96				
				Thực tập cuối khóa	QLTDTTK9	7.5				
				Aerobic dành cho trẻ MN	ĐH LT GDMN K11A		45			
					ĐH GDMN K9		30			
					ĐH GDMN K10A					
				Nguyễn Thị	Tĩnh	PTK. Luật &QLNN	Tiến sĩ			
GDMN K12	45									
CNXHKH	GDMN K11C	30								

					ĐHSPANK11	30				
				Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	QTKS K12A		30			
					SPANK12A		30			
				Triết học	CH QLVH K8	60				
Lê Văn	Tĩnh	Giảng viên	Thạc sĩ	Vẽ phong cảnh ngoài trời	SPMTK9	15		480	270	177.78
				Phương pháp dạy học MT	LTCQ SPMTK10B LTCQ SPMTK11A	60				
				Nghiệp vụ sư phạm (TC3)	LTCQ SPMTK10B LTCQ SPMTK11A	30				
				Vẽ phong cảnh ngoài trời	LT SPMTK11	15				
				Trang trí ứng dụng	LT SPMTK11	30				
				Nghiệp vụ sư phạm 3	SPMTK10		15			
				Nghiệp vụ sư phạm	SPMTK11		15			
				Trang trí 2	TCNKHHK34		30			
				PP TC hd tạo hình cho trẻ mầm non	GDMN K10A	45				
					ĐH GDMN K10B	45				
					ĐH GDMN K10C	45				
					ĐH LT GDMN K11A	45				
					GDMNK11A1,A2,B-HN	45				
					GDMNK11A,B-SL	45				
Lê Thu	Tran g	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 7	ĐH TNK9	15	15	465	270	172.22
				Thanh nhạc 5	ĐH TNK10	15	15			
				THBD	ĐH TNK12 (dự kiến)	30	30			
				Thanh nhạc 3	TCNKANK34	30	30			

				Thanh nhạc 1	TCNKANK35 (dự kiến)	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK11	15	15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK12(dự kiến)		15			
					ĐHLTSPVHVLK12	15	15			
				Thanh nhạc	GDMNK10A	15	15			
				Thanh nhạc	GDMNK11A	15	15			
					THBDK10	15	15			
					THBDK12		15			
					THBDK33	15				
				Thanh nhạc	GDMNK12	15	15			
				Hát dân ca	TCNKANK33	30				
Nguyễn Thị Thu	Tran g	PTBM Luật	Thạc sĩ (NCS)	Quản lý nhà nước về hành chính tư pháp	LTCQ QLNN K11A, 11B	45		225	216	104.17
					QLNN K9		45			
				Luật Hiến pháp	ĐH Luật K11		60			
				Luật Dân sự 2	ĐH Luật K11	30				
					ĐH Luật K11 AB					
					Luật K11AB- ĐT	45				
Nguyễn Thành	Trun g	GV	Thạc sĩ	Quản lý sân bãi, công trình TDTT(2TC)	QLTDTTK10/0.8	24		363	238	152.52
				Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (2 tín chỉ)	GDTK K11/0.8	36				
				Giải phẫu học TDTT(3TC)	QLTDTTK12, GDTCK12/1.0	36				

				Giao dục thể chất 4,5(4tc/2 lớp)	Không chuyên	96							
				Võ thuật	QLTDDT K10	45							
				Điền kinh (3)	QLTDDT k12	54							
				Phương pháp giảng dạy điền kinh 1 (4)	GDTC K12	72							
Trịnh Ngọc	Trun g	TK TDDT	Tiến sĩ	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	LT VLVH GDMN K11A3,B1 - HN	45		297	203	146.31			
				Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (2 tín chỉ)	QLTDDT K 11/0.6	36							
				Nghiệp vụ sư phạm thể dục thể thao (3TC)	QLTDDT k 9/0.5	45							
				Quản lý TDDT	GDTC. K11/0.8	24							
				Nghiệp vụ sư phạm thể dục thể thao (2TC)	GDTC k11/0.6	36							
				Phương pháp tổ chức hoạt động TDDT (4)	GDTC. K11/0.8	54							
				Phương pháp giảng dạy cầu lông (1)	GDTC k11/0.6	18							
				Quản lý TDDT	TKTTK9+ ĐHK10+ SPMTK11	24							
				Quản lý nhà nước về du lịch (cô Thực, cô Quỳnh, Thầy Trung)	QTDVDL&LH K10	15							
					Du lịch K10								
					QTKS K10								

Đoàn Văn	Trưởng	TP. QLKH&HT QT	PGS.Tiến sĩ	Truyền thông văn hóa	CH QLVHK8	30		237	89	266.29
				Chính sách an sinh xã hội	CH QLCK3	30				
				Công tác xã hội nhóm	CTXHK11A	60				
				Chính sách công tác xã hội	CTXHK11A	60				
				Thực hành công tác xã hội nhóm	CTXHK11A	12				
				Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	LTCTXHK12	45				
				Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp	LTCTXHK10B	7.5				
Nguyễn Phi	Trưởng	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật xa gần	TKTTK9+ ĐHK10+ SPMTK11	30		270	270	100.00
				Đồ họa vi tính 2	ĐHK9	30				
				Cơ sở tạo hình 3	ĐHK10	30				
				Cơ sở tạo hình 2	ĐHK11	30				
				Đồ họa ảnh	ĐHK9	30				
				Vẽ kỹ thuật	TKTT K10+ ĐHK10		30			
				Cơ sở tạo hình 3	ĐHK11		30			
				Luật xa gần	ĐHK12+ TCNKHHK35		30			
				Đồ họa ảnh	SPMTK11		30			

Nguyễn Văn	Tương	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị chế biến món ăn	QTKS K9	60		97.5	135	72.22
				Thực tế CN 2	QTKS K10	7.5				
				Thực tập tốt nghiệp	QTKS K11		7.5			
				Thực tập DN 2	QTKS K12		7.5			
				Thực tế nghề nghiệp 2	GDMNK12A,B-ĐL		7.5			
				Thực tế nghề nghiệp 1	GDMNK12A,B-HĐ		7.5			
Lã Thị	Tuyên	Trưởng khoa	Tiến sĩ	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GDĐT	SPMTK9	30		330	203	162.56
				Giáo dục học mầm non	ĐH GDMN K11A	45				
					ĐH GDMN K12	45				
					ĐH GDMN K12A	45				
					ĐHGDMN LTK12	45				
					GDMNK12A,B-ĐL	45				
					GDMNK12A,B-HĐ	45				
				Chính sách văn hóa, giáo dục, y tế	CH QLCK3	30				
Vũ Văn	Tuyên	CT HĐT	Tiến sĩ	Thiết kế và điều hành CTDL	QTDVDL&LH K10	45		225	44	511.36
					Du lịch K10					
				Quản lý sự kiện văn hóa	CH QLVHK8	45				
				Quản lý nguồn lực văn hóa		45				

				Quản lý nhà nước về VH, TT và DL	ĐH QLVH K11	45				
				Quản lý nhà nước về văn hóa - xã hội	CHQLCK2	45				
Lê Thị	Tuyết	Giảng viên	Thạc sĩ	Thanh nhạc 7	ĐH TNK9		15	120	270	44.44
				Thanh nhạc 1	ĐH TNK12 (dự kiến)		15			
				Thanh nhạc 4	TCNKANK34		15			
				Thanh nhạc 2	TCNKANK35		30			
				Thanh nhạc 3	ĐHSPANK10		15			
				Thanh nhạc 1	ĐHSPANK12		15			
				THBD	ĐHSPANK10		15			
Trần Xuân	Tý	Giảng viên	Thạc sĩ	Hình họa 4	TKTTK10+ ĐHK10	15		540	270	200.00
				Điêu khắc	SPMTK9	30				
				Vẽ phong cảnh ngoài trời	SPMTK9	15				
				Bố cục 4	SPMTK10	15				
				Giải phẫu tạo hình	SPMTK12	15				
				Hình họa 1	SPMTK12	15				
				Trang trí ứng dụng	LT SPMTK11	30				
				Vẽ phong cảnh ngoài trời	LT SPMTK11	15				
				Hình họa 3	TKTTK11+ ĐHK11		15			
				Hình họa 1	TKTTK12+ ĐHK12		15			

				Giải phẫu tạo hình	TKTTK12+ TCNKHKK34		15			
				Bố cục 5: chủ đề chép tranh dân gian và tự chọn (chất liệu sơn mài)	SPMTK10		15			
				Bố cục 1	SPMTK12		15			
				Hướng dẫn làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	ĐH GDMN K9	45				
					GDMN K10A	45				
					GDMN K10C	45				
					GDMNLT K11A-BNg	45				
					ĐH GDMN K11A	45				
					ĐH GDMN K11B	45				
					GDMNK12A,B-ĐL	45				
Mai Thị Thanh	Vân	Giảng viên	Thạc sĩ	Tâm lý học lứa tuổi tâm lý học sư phạm	ĐHSPANK10	45		300	270	111.11
					ĐH GDMN K12A	45				
					GDMN LTK11A	45				
					ĐHGDMNLTK11B	45				
					GDMNK11A,B-SL	45				
					GDMNK11A1,A2,B-HN	45				
					SPMTK11	30				
Trần Thị	Vân	Giảng viên	Thạc sĩ	Tâm lý học đại cương	GDTH K1	30		480	270	177.78
					GDMN K10A	45				
					GDMN K10C	45				

				Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	ĐHGDMN LTK12	45				
					GDMNK12A,B-ĐL					
					GDMNK12A,B-HĐ	45				
				Tâm lý học lứa tuổi MN	GDMNK12A,B-HP	60				
				Giáo dục học mầm non	ĐH GDMN K11B	45				
					ĐH GDMN K11C	45				
				Tâm lý học lứa tuổi MN	GDMN K11C	60				
					GDMN K11D	60				
Mai Anh	Vũ	CBVP kiêm GV	Tiến sĩ	Nhập môn xử lý dữ liệu định hướng	CTXH K11	30		120	83	144.58
				Quản lý chất lượng trong khu vực công	CH QLCK2	45				
				Quản trị học	LTCQ QTKS K11HT	45				
Tăng Đức	Vũ	Giảng viên	Thạc sĩ	Công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp	TKTTK9	30		270	270	100.00
				Công nghệ cắt may quần âu nam, nữ	TKTTK11	45				
				Công nghệ cắt may áo khoác ngoài nam, nữ	TKTTK10		60			
				Công nghệ cắt may váy, áo dài	TKTTK11		45			
				Công nghệ cắt may sơ mi nam, nữ	TKTTK12		45			

					ĐHLTCQ TKTTK11HT	45				
Phạm Thị Hải	Yến	Phó khoa TDTT	Thạc sĩ (NCS)	Sinh Lý TDTT(3TC)	QLTDTT K9/0.8	36		327	216	151.39
				Sinh hóaTDTT(2TC)	QLTDTTK10/0.8	24				
				Sinh Lý TDTT(3TC)	QLTDTTK11/0.8	36				
				Sinh hóaTDTT(3)	QLTDTT K12	36				
				Thiết bị dạy học khoa học tự nhiên 2	TBTHK12A	30				
				Sinh lý học trẻ em	ĐH GDTH K1	30				
					ĐHGDMN LTK12	45				
					GDMNK12A,B-ĐL	45				
					GDMNK12A,B-HĐ	45				

Lưu ý: Định mức giờ dạy của các cán bộ, giảng viên đang tính theo định mức lao động theo chức danh của CBGV năm học 2022 - 2023 (QĐ số: 701/ĐVTDT-TCCB ngày 22/3/2023)

Trên đây là Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2023 - 2024. Kính trình Ban giám hiệu phê duyệt./.



PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Hà

